

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 290/TTr-SNN ngày 19/8/2022 về việc ban hành Ban hành Bộ tiêu chí xã, huyện nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện giai đoạn 2021-2025).

Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện giai đoạn 2021-2025 là căn cứ để UBND các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch hoàn thành huyện nông thôn mới,

thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố và các sở, ngành, địa phương công bố Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện giai đoạn 2021-2025; tổng hợp hướng dẫn của các sở, ngành liên quan ban hành Hướng dẫn phương pháp đánh giá, chấm điểm Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện giai đoạn 2021-2025.

2. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện; chủ trì, tổng hợp công tác thẩm tra, đánh giá, chấm điểm và hướng dẫn các huyện, thị xã hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ công nhận theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố tham mưu UBND Thành phố cân đối, bố trí nguồn kinh phí hàng năm giao cho các địa phương và hướng dẫn tổ chức thực hiện nguồn kinh phí được giao; kiểm tra, xác định tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới làm cơ sở đánh giá, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo quy định.

4. Các sở, ngành Thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương xây dựng hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm các tiêu chí được phân công, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố tổng hợp ban hành hướng dẫn chung. Phối hợp với các địa phương theo dõi, đánh giá các tiêu chí trên địa bàn các huyện, thị xã; báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm đối với các chỉ tiêu, tiêu chí được phân công, gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới Thành phố tổng hợp, báo cáo theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, các Ban thuộc Thành ủy tham gia phối hợp thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện giai đoạn 2021-2025.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực và đánh giá kết quả theo Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện giai đoạn 2021-2025; báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm về Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thành viên Hội đồng thẩm định, Đoàn thẩm định nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Handwritten initials*

- Như Điều 3; *Handwritten initials*
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐP NTM Trung ương;
- TT. Thành ủy; TT. HĐND TP;
- Chủ tịch và các PCT UBND TP;
- VPUB: Các PCVP, KTN, KGVX, ĐT, TN&MT, NC, TH;
- Lưu: VT, KTN_{Quang}.

44141 - 8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Handwritten signature*
CHỦ TỊCH

Trần Sỹ Thanh



14100

**Phụ lục I: BỘ TIÊU CHÍ VỀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

*(Kèm theo Quyết định số ..3099/QĐ-UBND ngày ..29/8/2022
của UBND thành phố Hà Nội)*

1. Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).
2. Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025).
3. Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.
4. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên).
5. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện (hoặc quy hoạch chung xây dựng huyện) được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Sở Quy hoạch Kiến trúc
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥ 01 công trình	Sở Xây dựng
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Sở Giao thông Vận tải
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	≥ 50%	
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	
4	Điện	4.1. Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (hệ thống điện) đầu tư liên xã đạt các điều kiện sau: a) Đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; không còn cột điện giữa đường hoặc gây cản trở giao thông; hệ thống đường dây được thanh thải, bó gọn, không trùng võng b) Đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối (về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ) liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 và được sửa đổi tại Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 của Bộ Công thương quy định về hệ thống lưới điện phân phối.	Đạt	Sở Công Thương
		4.2. Hệ thống điện đầu tư giai đoạn 2021-2025 phù hợp với quy hoạch, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2021-2025	Đạt	
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Sở Y tế
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	≥ 60%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Sở Công Thương
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm quy định tại tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017 chợ kinh doanh thực phẩm.	Đạt	
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 40\%$	
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	≥ 01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	≥ 01 công trình	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2m^2$ /người	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
7	Môi trường	7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 43\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 35\%$	
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Sở Nội vụ
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	<p>9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác ANTT và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn; - An ninh chính trị được đảm bảo, tội phạm và tệ nạn xã hội, tai nạn (giao thông, cháy, nổ) được kiểm chế và giảm so với năm trước; không có tụ điểm phức tạp về tội phạm và tệ nạn xã hội; - Năm trước năm xét: đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn huyện đạt “khá” trở lên; Công an huyện đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên. 	Đạt	Công an Thành phố
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Sở Tư pháp

PHỤ LỤC II

QUY ĐỊNH THỊ XÃ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

*(Kèm theo Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày ...29../... 2022
của UBND thành phố Hà Nội)*

1. Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).
2. Có ít nhất 01 xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.
3. Có 100% số phường trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.
4. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của thị xã, thành phố đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên).
5. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn tối thiểu là 5 m²/người.

**Phụ lục III: BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số: 3099/QĐ-UBND ngày 29/8/2022
của UBND thành phố Hà Nội)*

1. Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).
2. Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025).
3. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện đạt từ 95% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới nâng cao đạt từ 85% trở lên).
4. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn	Đạt	Sở Quy hoạch Kiến trúc
		1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện (hoặc quy hoạch xây dựng huyện) đã được phê duyệt	Đạt	Sở Xây dựng
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa	Đạt	Sở Giao thông Vận tải
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100%	
		2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện	Đạt	
		3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	
4	Điện	4.1. Không tồn tại các điểm vi phạm an toàn hành lang lưới điện cao áp	Đạt	Sở Công Thương
		4.2. Tỷ lệ lắp đặt công tơ điện tử, hệ thống đo xa	100%	
		4.3. Ngừng giảm mức cung cấp điện theo quy định, chỉ số mất điện bình quân lưới điện trung áp toàn huyện SAIDI \leq 250 phút	Đạt	
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Sở Y tế
		5.2. Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao	Đạt	Sở Văn hóa Thể thao
		5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả	Đạt	
		5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 2	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.	Đạt	Sở Công Thương
		6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		6.3. Chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 trở lên hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Sở Công Thương
		6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Sở Du lịch
7	Môi trường	7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	$\geq 95\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	
		7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 70\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	$\geq 50\%$	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
7	Môi trường	7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$	
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 53\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 80 lít	
		8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 40\%$	
		8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường	≥ 01 mô hình	Sở Tài nguyên và Môi trường
		8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	
		8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	100%	
		8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện	Không	
		8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		- Có ít nhất 1 mô hình thôn thông minh	Đạt	
- Chính quyền thông minh	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
8	Chất lượng môi trường sống	- Giao tiếp thông minh	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		- Thương mại điện tử	Đạt	
		- Du lịch thông minh (<i>Đối với xã có sản phẩm, dịch vụ du lịch trên địa bàn xã</i>)	Đạt	
		- Dịch vụ xã hội	Đạt	
		- Quảng bá, thương hiệu	Đạt	
9	An ninh, trật tự - Hành chính công	9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao: - Tội phạm và tệ nạn xã hội, tai nạn (giao thông, cháy, nổ) giảm 3 năm liên tục trước năm xét; không có điểm phức tạp về tội phạm và tệ nạn xã hội; - Năm trước năm xét: đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn huyện đạt “xuất sắc”; Công an huyện đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”	Đạt	Công an Thành phố
		9.2. Có dịch vụ công trực tuyến	Mức độ 4	Sở Thông tin và Truyền thông